

**CÔNG TY CỔ PHẦN DIÊM THÔNG NHẤT**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014**

---

*Hà Nội, tháng 03 năm 2015*

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 27



## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Diêm Thống Nhất trình bày Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm 2014 và cho đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

Ông Nguyễn Hưng	Chủ tịch
Bà Ngô Thị Hằng	Thành viên
Ông Hoàng Tùng	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Kiêm	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Bích Hạnh	Thành viên

#### **Ban Kiểm soát**

Bà Trương Thúy Anh	Trưởng ban
Bà Bùi Thị Mận	Kiểm soát viên
Bà Phạm Thị Dân	Kiểm soát viên

#### **Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng**

Ông Nguyễn Hưng	Tổng Giám đốc
Ông Hoàng Tùng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Kiêm	Phó Tổng Giám đốc
Bà Ngô Thị Hằng	Kế toán trưởng

### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY ACA.

### **CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN**

Ban Tổng Giám đốc điều hành khẳng định rằng không có bất cứ sự kiện nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu, đòi hỏi phải điều chỉnh hoặc công bố trên Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014.

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)**

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đã được thuyết minh trong Báo cáo tài chính hay chưa;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở giả định hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu.

Ban Tổng Giám đốc Công ty xác nhận đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

**Cam kết khác**

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng, Công ty đã tuân thủ việc công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05/04/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt và đại diện Ban Tổng Giám đốc,



**Nguyễn Hưng**  
**Tổng Giám đốc**

Hà Nội, ngày 17 tháng 03 năm 2015

Số: 199 /2015/UHY ACA - BCKT

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**  
*Về Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Diêm Thống Nhất*  
*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014*

**Kính gửi:** Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Diêm Thống Nhất

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Diêm Thống Nhất (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 17/03/2015, từ trang 06 đến trang 27 gồm: Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2014, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập, trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty, theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

**Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ**

Đến thời điểm phát hành báo cáo này, chúng tôi chưa thu thập được đầy đủ biên bản xác nhận khoản công nợ phải thu khách hàng được trình bày trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2014. Các thủ tục kiểm toán thay thế không giúp chúng tôi thu thập được các bằng chứng cần thiết về giá trị của khoản mục phải thu khách hàng là 4.323.786.393 đồng. Do đó, chúng tôi không thể nhận xét về số dư khoản công nợ phải thu chưa đối chiếu này cũng như ảnh hưởng của chúng tới Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014.

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

### Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ những ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Diêm Thống Nhất tại ngày 31/12/2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 12 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính về sự kiện không chắc chắn liên quan đến kết quả của vụ kiện Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc Sông Hồng: Tháng 10/2012, Công ty Cổ phần Diêm Thống Nhất đã gửi đơn khởi kiện lên Tòa án nhân dân Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội yêu cầu tòa án tuyên bố vô hiệu đối với Hợp đồng nguyên tắc số 24/2011/HĐNT – SHL ngày 25/07/2011 ký với Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc Sông Hồng và buộc Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc Sông Hồng trả lại số tiền ứng trước thuê đất tại cụm Công nghiệp đa nghề Đông Thọ với giá trị 11.821.660.585 đồng. Tòa án nhân dân Quận Ba Đình theo Biên bản xét xử sơ thẩm số 13/2013/HNGĐ-ST ngày 28/11/2013 đã tuyên vô hiệu Hợp đồng kinh tế nói trên, buộc Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc Sông Hồng phải trả lại cho Công ty Cổ phần Diêm Thống Nhất số tiền đã ứng trước nêu trên. Đến thời điểm phát hành báo cáo này, chúng tôi vẫn chưa thu thập được kết quả của việc xử lý vụ việc trên.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này.



**Phạm Gia Đạt**  
**Phó Tổng Giám đốc**  
Giấy chứng nhận ĐKHN kiểm toán số:  
0798-2014-112-1

*Thay mặt và đại diện cho*

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY ACA**  
Hà Nội, ngày 17 tháng 03 năm 2015

**Mai Bình Thanh**  
**Kiểm toán viên**  
Giấy chứng nhận ĐKHN kiểm toán số:  
2068-2014-112-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Tại ngày 31/12/2014	Tại ngày 01/01/2014
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>44.529.832.401</b>	<b>45.433.643.886</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>5.984.209.347</b>	<b>10.885.908.565</b>
Tiền	111		5.984.209.347	2.105.908.565
Các khoản tương đương tiền	112		-	8.780.000.000
<b>Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>6</b>	<b>2.000.000.000</b>	-
Đầu tư ngắn hạn	121		2.000.000.000	-
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>21.625.647.994</b>	<b>20.775.084.816</b>
Phải thu khách hàng	131		18.931.269.071	18.069.020.554
Trả trước cho người bán	132		3.088.729.070	2.990.390.075
Các khoản phải thu khác	135		68.893.518	42.920.000
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139	7	(463.243.665)	(327.245.813)
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>8</b>	<b>12.142.080.312</b>	<b>10.272.415.029</b>
Hàng tồn kho	141		12.142.080.312	10.272.415.029
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>2.777.894.748</b>	<b>3.500.235.476</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		114.053.622	-
Thuế GTGT được khấu trừ	152		607.369.756	892.878.235
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	9	35.893.352	33.068.592
Tài sản ngắn hạn khác	158	10	2.020.578.018	2.574.288.649
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>18.165.462.618</b>	<b>17.424.480.045</b>
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>17.716.418.578</b>	<b>16.783.785.317</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	11	8.187.219.188	7.294.261.149
- Nguyên giá	222		46.388.417.331	43.155.233.168
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(38.201.198.143)	(35.860.972.019)
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	12	9.529.199.390	9.489.524.168
Bất động sản đầu tư	240	13	398.989.848	463.556.950
- Nguyên giá	241		4.204.834.235	4.017.203.033
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		(3.805.844.387)	(3.553.646.083)
<b>Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>14</b>	-	<b>125.424.695</b>
Đầu tư dài hạn khác	258		-	234.600.000
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	259		-	(109.175.305)
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>50.054.192</b>	<b>51.713.083</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261		50.054.192	51.713.083
<b>TỔNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>62.695.295.019</b>	<b>62.858.123.931</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Tại ngày 31/12/2014	Tại ngày 01/01/2014
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>32.763.229.757</b>	<b>37.284.194.407</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>32.763.229.757</b>	<b>37.284.194.407</b>
Vay và nợ ngắn hạn	311	15	729.823.120	5.344.702.303
Phải trả người bán	312		10.509.797.284	4.829.295.669
Người mua trả tiền trước	313		689.269.037	278.859.220
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	16	157.803.586	442.793.037
Phải trả người lao động	315		6.461.177.640	8.803.859.303
Chi phí phải trả	316	17	519.231.630	578.939.565
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	18	12.920.005.150	16.258.628.464
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		776.122.310	747.116.846
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>29.932.065.262</b>	<b>25.573.929.524</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>19</b>	<b>29.932.065.262</b>	<b>25.573.929.524</b>
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		22.000.000.000	20.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		410.000.000	240.000.000
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	417		3.132.592.830	3.132.592.830
Quỹ dự phòng tài chính	418		1.980.350.348	1.859.448.885
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		2.409.122.084	341.887.809
<b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>62.695.295.019</b>	<b>62.858.123.931</b>

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Tại ngày 31/12/2014	Tại ngày 01/01/2014
4. Nợ khó đòi đã xử lý		463.243.665	290.307.187
5. Ngoại tệ các loại USD		39.462,54	37.364,97



Nguyễn Hưng  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 17 tháng 03 năm 2015

Ngô Thị Hằng  
Kế toán trưởng

Ngô Thị Hằng  
Người lập biểu



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014


Đơn vị tính: VND


Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2014	Năm 2013
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch</b>	<b>01</b>	<b>20</b>	<b>105.195.246.079</b>	<b>113.206.094.938</b>
Các khoản giảm trừ doanh thu	03	21	19.776.000	552.749.896
<b>Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp</b>	<b>10</b>	<b>22</b>	<b>105.175.470.079</b>	<b>112.653.345.042</b>
Giá vốn hàng bán	11	23	87.765.128.520	91.552.752.632
<b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>17.410.341.559</b>	<b>21.100.592.410</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	174.302.397	105.437.500
Chi phí tài chính	22	25	273.039.598	317.766.903
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>198.867.354</i>	<i>280.013.878</i>
Chi phí bán hàng	24		5.341.614.379	6.149.787.557
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		9.951.017.386	10.251.798.860
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>2.018.972.593</b>	<b>4.486.676.590</b>
Thu nhập khác	31	26	1.075.909.955	43.772.625
Chi phí khác	32		-	4.123
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>1.075.909.955</b>	<b>43.768.502</b>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>3.094.882.548</b>	<b>4.530.445.092</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	28	676.853.286	1.126.585.292
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>2.418.029.262</b>	<b>3.403.859.800</b>
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>	<b>29</b>	<b>1.091</b>	<b>1.684</b>



Nguyễn Hưng  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 17 tháng 03 năm 2015

  
Ngô Thị Hằng  
Kế toán trưởng

  
Ngô Thị Hằng  
Người lập biểu

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014  
(Theo phương pháp trực tiếp)

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2014	Năm 2013
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ	1		105.289.275.508	116.585.239.900
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	2		(68.431.567.445)	(77.968.054.493)
3. Tiền chi trả cho người lao động	3		(19.645.578.364)	(22.761.510.485)
4. Tiền chi trả lãi vay	4		(198.867.354)	(280.013.878)
5. Tiền chi nộp thuế Thu nhập doanh nghiệp	5		(848.760.146)	(1.582.069.006)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6		1.401.040.863	241.488.818
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7		(11.920.332.278)	(10.224.419.660)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh</b>	<b>20</b>		<b>5.645.210.784</b>	<b>4.010.661.196</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21		(3.564.777.722)	(6.605.220.208)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ	22		40.909.091	34.545.455
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(3.480.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		1.480.000.000	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		92.000.000	-
7. Tiền thu lãi vay, cổ tức, lợi nhuận được chia	27		129.828.812	67.995.590
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(5.302.039.819)</b>	<b>(6.502.679.163)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		2.170.000.000	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		2.946.700.050	13.694.256.679
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(7.561.570.233)	(9.431.462.976)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(2.800.000.000)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(5.244.870.183)</b>	<b>4.262.793.703</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>		<b>(4.901.699.218)</b>	<b>1.770.775.736</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>		<b>10.885.908.565</b>	<b>9.119.083.857</b>
Ảnh hưởng của đánh giá lại ngoại tệ cuối năm	61		-	(3.951.028)
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>5</b>	<b>5.984.209.347</b>	<b>10.885.908.565</b>



Nguyễn Hưng  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 17 tháng 03 năm 2015

Ngô Thị Hằng  
Kế toán trưởng

Ngô Thị Hằng  
Người lập biểu

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**1.1 Khái quát chung**

Công ty Cổ phần Diêm Thông Nhất (sau đây gọi tắt là “Công ty”) tiền thân là Công ty Diêm Thông Nhất, là doanh nghiệp Nhà nước được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Thông Nhất theo Quyết định số 1130 ngày 17/08/2001 của Thủ tướng Chính phủ và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0100100544 ngày 02/01/2002 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Căn cứ theo Giấy chứng nhận doanh nghiệp số 0100100544, thay đổi lần thứ 06 ngày 18/04/2014, vốn điều lệ của Công ty là 22.000.000.000 đồng (Hai mươi hai tỉ đồng).

Công ty có trụ sở chính tại: Số 670 Ngô Gia Tự - Đức Giang - Long Biên - Hà Nội.

**1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận doanh nghiệp số 0100100544, thay đổi lần thứ 06 ngày 18/04/2014 bao gồm:

- Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa;
- In và các dịch vụ liên quan đến in (trừ loại hình Nhà nước cấm);
- Xuất nhập khẩu trực tiếp;
- Sản xuất kinh doanh diêm và giấy;
- Kinh doanh bất động sản;

Và các hoạt động kinh doanh khác quy định trên Giấy chứng nhận doanh nghiệp.

**2. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

Niên độ kế toán của Công ty từ 01/01 đến 31/12 năm dương lịch.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND")

**3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**3.1 Chuẩn mực và chế độ kế toán**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các chuẩn mực Kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 của Công ty được lập theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 và Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính.

**3.2 Hình thức kế toán áp dụng**

Hình thức kế toán áp dụng: Kế toán máy.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

**4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao. Các khoản đầu tư được gọi là có tính thanh khoản cao khi thời gian thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng, có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

**4.2 Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn**

Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn bao gồm: tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, đầu tư chứng khoán ngắn hạn, cho vay ngắn hạn và đầu tư ngắn hạn khác. Các khoản đầu tư ngắn hạn trong năm của Công ty được là các khoản tiền gửi có thời hạn thu hồi vốn trên 03 tháng và dưới 01 năm hoặc trong một chu kỳ kinh doanh bình thường.

**4.3 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cho việc tiêu thụ chúng.

Giá hàng xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền tháng. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

**4.4 Lập dự phòng**

Công ty trích lập dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính và nợ phải thu khó đòi theo thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp” và thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28/06/2013 về sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009.

**4.5 Tài sản cố định hữu hình và hao mòn**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với tỷ lệ khấu hao đã được quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, thời gian khấu hao cụ thể như sau:

<b>Nhóm tài sản</b>	<b>Thời gian khấu hao</b>
	(năm)
Nhà cửa vật kiến trúc	06-30
Máy móc thiết bị	05-10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05-06
Thiết bị dụng cụ quản lý	03-05

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**4.6 Bất động sản đầu tư và hao mòn**

Bất động sản của Công ty là giá trị nhà xưởng do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê, được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian hữu dụng ước tính trong vòng 07-15 năm.

**4.7 Nguyên tắc ghi nhận chi phí đi vay**

Các khoản vay ngắn hạn, dài hạn của Công ty được ghi nhận theo hợp đồng, khế ước vay và chứng từ ngân hàng. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động tài chính. Riêng chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ điều kiện quy định trong Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 - Chi phí đi vay.

**4.8 Nguyên tắc ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng, chuyển quyền sở hữu cho người mua.

Doanh thu hoạt động tài chính là lãi tiền gửi ngân hàng và lãi tiền gửi tiết kiệm, được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi ngân hàng, tiền gửi tiết kiệm và lãi suất áp dụng cho từng thời kỳ của các ngân hàng.

**4.9 Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

**4.10 Ngoại tệ**

Công ty áp dụng Thông tư 179/2012/TT-BTC do Bộ tài chính ban hành ngày 24 tháng 10 năm 2012 hướng dẫn xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá. Trong năm 2014, việc xử lý chênh lệch tỷ giá được thực hiện như sau:

- Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá giao dịch tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.
- Cuối năm thực hiện đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ theo tỷ giá mua vào bình quân của các ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản. Khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do việc đánh giá lại số dư cuối kỳ sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm, số chênh lệch còn lại được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong năm.

Khoản lãi đánh giá lại chênh lệch tỷ giá tại ngày 31/12/2014 của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được dùng để phân phối.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**4.11 Thuế và các khoản thanh toán ngân sách**

**Thuế Giá trị gia tăng**

Thuế giá trị gia tăng (GTGT) được hạch toán theo phương pháp khấu trừ: thuế GTGT phải nộp được xác định bằng thuế GTGT đầu ra trừ đi (-) thuế GTGT đầu vào được khấu trừ phát sinh trong kỳ kế toán.

**Thuế Thu nhập doanh nghiệp**

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành áp dụng cho Công ty là 22%.

Việc xác định thuế Thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế Thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

**Thuế khác**

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

**4.12 Công cụ tài chính**

**Ghi nhận ban đầu**

*Tài sản tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, công cụ tài chính đã được niêm yết và chưa niêm yết.

*Công nợ tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản nợ và các khoản vay.

**Bù trừ các công cụ tài chính**

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ cho nhau trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận và Công ty có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

**4.13 Bên liên quan**

Một bên được xem là có liên quan đến Công ty nếu có quyền kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đến Công ty trong việc ra các quyết định đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	Tại ngày 31/12/2014 VND	Tại ngày 01/01/2014 VND
Tiền mặt	985.862.603	352.539.085
Tiền gửi ngân hàng	4.998.346.744	1.753.369.480
Các khoản tương đương tiền	-	8.780.000.000
<b>Cộng</b>	<b>5.984.209.347</b>	<b>10.885.908.565</b>

**6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

	Tại ngày 31/12/2014 VND	Tại ngày 01/01/2014 VND
<b>Tiền gửi có kỳ hạn 4 tháng tại:</b>		
- Ngân hàng Công thương - CN Chương Dương	2.000.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>2.000.000.000</b>	<b>-</b>

**7. DỰ PHÒNG PHẢI THU KHÓ ĐÒI**

	Tại ngày 31/12/2014 VND	Tại ngày 01/01/2014 VND
Công ty TNHH Giày Nam Giang	103.051.448	103.051.448
Công ty CP Phát triển tin học phần mềm cuộc sống	37.912.476	-
Công ty CP Hóa chất sơn Việt Nam	34.797.828	34.797.828
Công ty TNHH NK Gốm sứ Hamico Hưng Yên	66.480.000	-
Công ty TNHH phát triển công nghệ Tân Tiến	22.000.000	-
Công ty TNHH gốm sứ Minh Long	55.201.143	55.201.143
Công ty CP sản xuất đồ gỗ mỹ nghệ	55.232.892	55.232.892
Công ty TNHH in TMDV Lam Sơn	20.524.415	20.524.415
Các đối tượng khác	68.043.463	58.438.087
<b>Cộng</b>	<b>463.243.665</b>	<b>327.245.813</b>

**8. HÀNG TỒN KHO**

	Tại ngày 31/12/2014 VND	Tại ngày 01/01/2014 VND
Nguyên liệu, vật liệu	8.471.344.746	7.599.871.310
Công cụ, dụng cụ	92.403.382	131.640.929
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	921.049.063	878.478.699
Thành phẩm	1.376.284.956	1.552.164.445
Hàng hoá	964.443.965	110.259.646
<b>Cộng giá gốc của hàng tồn kho</b>	<b>12.142.080.312</b>	<b>10.272.415.029</b>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
<b>Cộng giá trị thuần có thể thực hiện được</b>	<b>12.142.080.312</b>	<b>10.272.415.029</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**9. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC**

	Tại ngày 31/12/2014 VND	Tại ngày 01/01/2014 VND
Thuế xuất, nhập khẩu	17.506.704	33.068.592
Thuế thu nhập cá nhân	18.386.648	-
<b>Cộng</b>	<b>35.893.352</b>	<b>33.068.592</b>

**10. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC**

	Tại ngày 31/12/2014 VND	Tại ngày 01/01/2014 VND
Tạm ứng, trong đó	2.020.578.018	2.574.288.649
+ Nguyễn Văn Chế	723.840.784	593.490.743
+ Nguyễn Tiến Phương	934.059.163	999.059.163
+ Hoàng Ngọc Thanh	71.980.000	71.980.000
+ Quyền Kim Cương	165.015.000	502.009.895
+ Các đối tượng khác	125.683.071	407.748.848
<b>Cộng</b>	<b>2.020.578.018</b>	<b>2.574.288.649</b>

**12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	Tại ngày 31/12/2014 VND	Tại ngày 01/01/2014 VND
Dự án di chuyển địa điểm Công ty (*)	8.928.782.350	8.928.782.350
Tiền thuê đất tại Cụm Công nghiệp đa nghề Đông Thọ	8.928.782.350	8.928.782.350
Hệ thống xử lý nước thải	581.741.818	560.741.818
Sửa chữa nhà kếp phân xưởng tổng hợp	18.675.222	
<b>Cộng</b>	<b>9.529.199.390</b>	<b>9.489.524.168</b>

(\*) Căn cứ theo phương án đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt, Công ty đang thực hiện chủ trương di dời nhà máy sản xuất để chuyển đổi mục đích sử dụng đất tại 670 Ngô Gia Tự - Long Biên - Hà Nội.

Tháng 10/2012, Công ty Cổ phần Diêm Thống Nhất đã gửi đơn khởi kiện lên Tòa án nhân dân Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội yêu cầu tòa án tuyên bố vô hiệu đối với Hợp đồng nguyên tắc số 24/2011/HĐNT – SHL ngày 25/07/2011 ký với Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc Sông Hồng và buộc Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc Sông Hồng trả lại số tiền ứng trước thuê đất tại cụm Công nghiệp đa nghề Đông Thọ với giá trị 11.821.660.585 đồng, chi tiết đang được theo dõi trên các khoản mục sau:

- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang: 8.928.782.350 đồng;
- Thuế GTGT được khấu trừ: 892.878.235 đồng;
- Trả trước cho người bán: 2.000.000.000 đồng

Tòa án nhân dân Quận Ba Đình theo Biên bản xét xử sơ thẩm số 13/2013/HNGĐ-ST ngày 28/11/2013 đã tuyên vô hiệu Hợp đồng kinh tế nói trên, buộc Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc Sông Hồng phải trả lại cho Công ty Cổ phần Diêm Thống Nhất số tiền đã ứng trước nêu trên.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	Đơn vị tính: VND	
					Tổng cộng	
<b>Nguyên giá</b>						
<b>Tại ngày 01/01/2014</b>	<b>12.595.650.046</b>	<b>25.721.049.052</b>	<b>4.678.994.070</b>	<b>159.540.000</b>		<b>43.155.233.168</b>
- Mua trong năm	-	3.616.958.222	-	-		3.616.958.222
- Chuyển từ BĐS đầu tư sang	577.132.799	-	-	-		577.132.799
- Chuyển sang BĐS đầu tư	(764.764.001)	-	-	-		(764.764.001)
- Thanh lý, nhượng bán	-	(196.142.857)	-	-		(196.142.857)
<b>Tại ngày 31/12/2014</b>	<b>12.408.018.844</b>	<b>29.141.864.417</b>	<b>4.678.994.070</b>	<b>159.540.000</b>		<b>46.388.417.331</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
<b>Tại ngày 01/01/2014</b>	<b>11.297.363.803</b>	<b>20.509.198.564</b>	<b>4.028.665.543</b>	<b>25.744.109</b>		<b>35.860.972.019</b>
- Khấu hao trong năm	302.234.430	1.833.045.856	406.595.999	31.908.000		2.573.784.285
- Chuyển từ BĐS đầu tư sang	469.790.288	-	-	-		469.790.288
- Chuyển sang BĐS đầu tư	(507.205.592)	-	-	-		(507.205.592)
- Thanh lý, nhượng bán	-	(196.142.857)	-	-		(196.142.857)
<b>Tại ngày 31/12/2014</b>	<b>11.562.182.929</b>	<b>22.146.101.563</b>	<b>4.435.261.542</b>	<b>57.652.109</b>		<b>38.201.198.143</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
<b>Tại ngày 01/01/2014</b>	<b>1.298.286.243</b>	<b>5.211.850.488</b>	<b>650.328.527</b>	<b>133.795.891</b>		<b>7.294.261.149</b>
<b>Tại ngày 31/12/2014</b>	<b>845.835.915</b>	<b>6.995.762.854</b>	<b>243.732.528</b>	<b>101.887.891</b>		<b>8.187.219.188</b>

\* Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết vẫn còn sử dụng

\* Nguyên giá TSCĐ cuối năm chờ thanh lý:

\* Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng để chấp, cầm cố các khoản vay:

33.142.942.888

-

-

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**13. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**

Khoản mục	Đơn vị tính: VND	
	Nhà	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>		
<b>Tại ngày 01/01/2014</b>	<b>4.017.203.033</b>	<b>4.017.203.033</b>
- Chuyển từ TSCĐ hữu hình sang	764.764.001	764.764.001
- Chuyển sang TSCĐ hữu hình	(577.132.799)	(577.132.799)
<b>Tại ngày 31/12/2014</b>	<b>4.204.834.235</b>	<b>4.204.834.235</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>		
<b>Tại ngày 01/01/2014</b>	<b>3.553.646.083</b>	<b>3.553.646.083</b>
- Khấu hao trong năm	214.783.000	214.783.000
- Chuyển từ TSCĐ hữu hình sang	507.205.592	507.205.592
- Chuyển sang TSCĐ hữu hình	(469.790.288)	(469.790.288)
<b>Tại ngày 31/12/2014</b>	<b>3.805.844.387</b>	<b>3.805.844.387</b>
<b>Giá trị còn lại</b>		
<b>Tại ngày 01/01/2014</b>	<b>463.556.950</b>	<b>463.556.950</b>
<b>Tại ngày 31/12/2014</b>	<b>398.989.848</b>	<b>398.989.848</b>

**14. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	Tại ngày 31/12/2014		Tại ngày 31/12/2013	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
<b><i>Đầu tư dài hạn khác</i></b>				
Công ty CP Lửa Việt	-	-	230.000	234.600.000
Dự phòng giảm giá				(109.175.305)
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>230.000</b>	<b>125.424.695</b>

**15. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

	Tại ngày	Tại ngày
	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Vay ngắn hạn	729.823.120	5.344.702.303
+ BIDV Thành Đô - VND	729.823.120	1.914.063.253
+ BIDV Thành Đô - USD	-	1.657.281.000
+ MB - VND	-	1.773.358.050
<b>Cộng</b>	<b>729.823.120</b>	<b>5.344.702.303</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Tại ngày 31/12/2014 VND	Tại ngày 01/01/2014 VND
Thuế GTGT	-	87.047.249
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	157.803.586	329.710.446
Thuế thu nhập cá nhân	-	26.035.342
<b>Cộng</b>	<b>157.803.586</b>	<b>442.793.037</b>

**17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	Tại ngày 31/12/2014 VND	Tại ngày 01/01/2014 VND
Tiền ăn ca	-	62.055.000
Chi phí điện, nước, điện thoại	519.231.630	516.884.565
<b>Cộng</b>	<b>519.231.630</b>	<b>578.939.565</b>

**18. CÁC KHOẢN TRẢ PHẢI PHẢI NỘP KHÁC**

	Tại ngày 31/12/2014 VND	Tại ngày 01/01/2014 VND
Kinh phí công đoàn	219.867.580	276.428.040
Bảo hiểm xã hội	-	249.502.043
Bảo hiểm y tế	13.044.329	13.044.329
Phải trả, phải nộp khác	12.638.995.241	15.567.145.259
<i>Trường mầm non Thống Nhất</i>	<i>1.132.216.527</i>	<i>1.225.896.479</i>
<i>Nhận đất cọc thuê kho bãi</i>	<i>403.215.000</i>	<i>328.215.000</i>
<i>Công ty CP Tư vấn đầu tư xây dựng Ba Đình</i>	<i>10.000.000.000</i>	<i>10.000.000.000</i>
<i>Tiền thanh lý khu nhà tập thể</i>	<i>403.563.714</i>	<i>403.563.714</i>
<i>Công ty CP Đầu tư BDS Thiên Đông</i>	<i>700.000.000</i>	<i>700.000.000</i>
<i>Phải trả cổ tức tạm chia 2013</i>	<i>-</i>	<i>2.800.000.000</i>
<i>Phải trả khác</i>	<i>-</i>	<i>109.470.066</i>
Phải trả các đối tượng khác	48.098.000	152.508.793
<b>Cộng</b>	<b>12.920.005.150</b>	<b>16.258.628.464</b>

**19. VỐN CỦA CHỦ SỞ HỮU**

**19.1 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Tại ngày 31/12/2014 VND	Tại ngày 01/01/2014 VND
Vốn góp của Nhà nước	4.429.830.000	4.429.830.000
Vốn góp của các đối tượng khác	17.570.170.000	15.570.170.000
<b>Cộng</b>	<b>22.000.000.000</b>	<b>20.000.000.000</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**19. VỐN CỦA CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)**

**19.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận**

	<b>Năm 2014</b>	<b>Năm 2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
Vốn góp đầu năm	20.000.000.000	20.000.000.000
Tăng vốn trong năm	2.000.000.000	-
Giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	22.000.000.000	20.000.000.000

**19.3 Cổ phiếu**

	<b>Tại ngày</b>	<b>Tại ngày</b>
	<b>31/12/2014</b>	<b>01/01/2014</b>
	<b>Cổ phiếu</b>	<b>Cổ phiếu</b>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành:	2.200.000	2.000.000
Số lượng cổ phiếu bán ra công chúng:		
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	2.200.000	2.000.000
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	2.200.000	2.000.000
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

*Mệnh giá cổ phiếu: 10.000VND/Cổ phiếu*

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**19. VỐN CỦA CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)**

**19.4 Bảng chi tiết biến động của vốn chủ sở hữu**

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND						
<b>Tại ngày 01/01/2013</b>	<b>20.000.000.000</b>	<b>240.000.000</b>	-	-	<b>3.132.592.830</b>	<b>1.691.061.091</b>	<b>117.748.385</b>	<b>25.181.402.306</b>
Lãi trong năm	-	-	-	-	-	-	3.403.859.800	3.403.859.800
Trích lập bổ sung quỹ	-	-	-	-	168.387.794	-	(336.775.588)	(168.387.794)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	(2.800.000.000)	(2.800.000.000)
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	(42.944.788)	(42.944.788)
<b>Tại ngày 31/12/2013</b>	<b>20.000.000.000</b>	<b>240.000.000</b>	-	-	<b>3.132.592.830</b>	<b>1.859.448.885</b>	<b>341.887.809</b>	<b>25.573.929.524</b>
<b>Tại ngày 01/01/2014</b>	<b>20.000.000.000</b>	<b>240.000.000</b>	-	-	<b>3.132.592.830</b>	<b>1.859.448.885</b>	<b>341.887.809</b>	<b>25.573.929.524</b>
Tăng trong năm	2.000.000.000	170.000.000	-	-	-	-	-	2.170.000.000
Lãi tăng trong năm	-	-	-	-	-	-	2.418.029.262	2.418.029.262
Trích lập bổ sung quỹ	-	-	-	-	120.901.463	-	(241.802.927)	(120.901.464)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	(108.992.060)	(108.992.060)
<b>Tại ngày 31/12/2014</b>	<b>22.000.000.000</b>	<b>410.000.000</b>	-	-	<b>3.132.592.830</b>	<b>1.980.350.348</b>	<b>2.409.122.084</b>	<b>29.932.065.262</b>

Trong năm, các quỹ được tạm trích với số tiền là: 241.802.926 đồng. Công ty sẽ trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt tại Đại hội thường niên năm 2015.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**20. DOANH THU VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>105.195.246.079</b>	<b>113.206.094.938</b>
Trong đó:		
Doanh thu bán hàng	96.939.580.532	106.291.825.360
Doanh thu cung cấp dịch vụ	8.255.665.547	6.914.269.578

**21. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU**

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Các khoản giảm trừ doanh thu	19.776.000	552.749.896
Trong đó:		
+ Giảm giá hàng bán	19.776.000	552.749.896
+ Hàng bán bị trả lại	-	-

**22. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>105.175.470.079</b>	<b>112.653.345.042</b>
Trong đó:		
Doanh thu thuần trao đổi sản phẩm, hàng hóa	96.919.804.532	105.739.075.464
Doanh thu thuần trao đổi dịch vụ	8.255.665.547	6.914.269.578

**23. GIÁ VỐN**

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	84.471.360.284	88.809.282.889
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	3.293.768.236	2.743.469.743
<b>Cộng</b>	<b>87.765.128.520</b>	<b>91.552.752.632</b>

**24. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Lãi tiền gửi	129.828.812	67.995.169
Lãi chênh lệch tỉ giá đã thực hiện	14.128.282	5.600
Lãi chênh lệch tỉ giá chưa thực hiện	30.345.303	36.104.913
Doanh thu tài chính khác	-	1.331.818
<b>Cộng</b>	<b>174.302.397</b>	<b>105.437.500</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**25. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Chi phí lãi vay	198.867.354	280.013.878
Lỗi chênh lệch tỉ giá đã thực hiện	40.747.549	37.753.025
Lỗi từ chuyển nhượng đầu tư tài chính dài hạn	33.424.695	-
<b>Cộng</b>	<b>273.039.598</b>	<b>317.766.903</b>

**26. THU NHẬP KHÁC**

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Thanh lý vật tư	-	9.227.170
Hoàn nhập Quỹ dự phòng tiền lương	1.035.000.864	-
Thanh lý tài sản	40.909.091	34.545.455
<b>Cộng</b>	<b>1.075.909.955</b>	<b>43.772.625</b>

**27. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	58.163.291.039	66.138.751.520
Chi phí nhân công	21.810.904.173	23.563.032.167
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.788.567.285	2.662.388.046
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.757.052.875	6.217.696.951
Chi phí khác bằng Tiền	3.399.886.666	3.656.236.196
<b>Cộng</b>	<b>92.919.702.038</b>	<b>102.238.104.880</b>

**28. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
<b>Tổng lợi nhuận kế toán</b>	<b>3.094.882.548</b>	<b>4.530.445.092</b>
Các khoản điều chỉnh tăng giảm lợi nhuận	(18.276.703)	24.104.913
Điều chỉnh tăng lợi nhuận chịu thuế do	12.000.000	12.000.000
<i>Chi phí không được trừ</i>	<i>12.000.000</i>	<i>12.000.000</i>
Điều chỉnh giảm lợi nhuận chịu thuế do	30.276.703	36.104.913
<i>Lãi chênh lệch tỉ giá chưa thực hiện</i>	<i>30.276.703</i>	<i>36.104.913</i>
<b>Lợi nhuận chịu thuế TNDN</b>	<b>3.076.605.845</b>	<b>4.506.340.179</b>
Thuế suất	22%	25%
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>676.853.286</b>	<b>1.126.585.292</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**29. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Lợi nhuận kế toán sau thu nhập chịu thuế	2.418.029.262	3.403.859.800
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	36.104.913
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>	-	-
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>	30.345.303	36.104.913
+ <i>Lãi chênh lệch tỉ giá chưa thực hiện</i>	30.345.303	36.104.913
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	2.387.683.959	3.367.754.887
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân	2.187.945	2.000.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>1.091</b>	<b>1.684</b>

**30. THÔNG TIN CÁC BÊN LIÊN QUAN**

**30.1 Giao dịch với bên liên quan**

	Mối quan hệ	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
<b>Bán hàng</b>			
Tổng Công ty Giấy Việt nam	Cổ đông sáng lập	2.590.556.210	2.750.910.800
Công ty Giấy Tissue Sông Đuống	Công ty trong tập đoàn	1.218.335.704	1.428.987.451
Công ty cổ phần giấy Việt trì		82.956.710	76.425.796
<b>Mua hàng</b>			
Công ty Giấy Tissue Sông Đuống	Công ty trong tập đoàn	2.038.060.000	1.789.585.720
Công ty cổ phần giấy Việt trì	Công ty trong tập đoàn	7.389.826.899	8.985.582.496
<b>Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc</b>		<b>1.508.834.000</b>	<b>1.646.420.000</b>

**30.2 Số dư với bên liên quan**

	Mối quan hệ	Tại ngày 31/12/2014 VND	Tại ngày 01/01/2014 VND
<b>Phải thu khách hàng</b>			
Tổng Công ty Giấy Việt nam	Cổ đông sáng lập	459.448.000	218.157.500
<b>Phải trả người bán</b>			
Công ty cổ phần giấy Việt trì	Công ty trong tập đoàn	2.210.796.779	671.456.478
Công ty Giấy Tissue Sông Đuống	Công ty trong tập đoàn	347.609.878	131.429.855



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

**QUẢN LÝ RỦI RO VỐN**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 15, trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền), phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

**CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.12

	<b>Giá trị ghi sổ 31/12/2014 VND</b>	<b>Giá trị ghi sổ 01/01/2014 VND</b>
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.984.209.347	10.885.908.565
Đầu tư ngắn hạn	2.000.000.000	-
Phải thu khách hàng và phải thu khác	18.536.918.924	17.784.694.741
<b>Tổng cộng</b>	<b>26.521.128.271</b>	<b>28.670.603.306</b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Các khoản vay	729.823.120	5.344.702.303
Phải trả người bán và phải trả khác	23.148.792.525	20.396.440.928
Chi phí phải trả	519.231.630	578.939.565
<b>Tổng cộng</b>	<b>25.378.577.275</b>	<b>26.359.862.796</b>

**CÁC LOẠI CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

**MỤC TIÊU QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH**

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

**RỦI RO THỊ TRƯỜNG**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

***Quản lý rủi ro tỷ giá***

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty không thực hiện biện pháp đảm bảo do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

***Quản lý rủi ro lãi suất***

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

***Rủi ro về giá***

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn phần lớn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

**RỦI RO TÍN DỤNG**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng).

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với mỗi nhóm tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của nhóm công cụ tài chính đó được trình bày trên bảng cân đối kế toán.

***Phải thu khách hàng và phải thu khác***

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, Ban Tổng Giám đốc đã thiết lập chính sách tín dụng, theo đó, mỗi khách hàng mới phải được phân tích kỹ về mức độ tín nhiệm trước khi Công ty đưa ra các điều kiện và điều khoản giao hàng và thanh toán. Khách hàng nào không được thông qua xếp hạng tín nhiệm chỉ có thể giao dịch với Công ty với điều kiện trả tiền trước và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Công ty sẽ lập dự phòng giảm giá trị để phản ánh mức độ thiệt hại ước tính đối với phải thu khách hàng, phải thu khác. Thành phần chính của khoản dự phòng giảm giá này là khoản lỗ cụ thể có liên quan đến mức độ thiệt hại lớn cụ thể đối với từng khách hàng và mức độ thiệt hại tổng thể của các nhóm tài sản tài chính tương tự, được xác định khi các rủi ro này có thể đã xảy ra nhưng chưa được phát hiện. Mức độ thiệt hại tổng thể được xác định dựa trên dữ liệu thống kê về thanh toán trong quá khứ của các tài sản tài chính tương tự.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

**Tiền gửi ngân hàng**

Công ty có số dư tiền gửi với các tổ chức tín dụng trong nước. Ban Tổng Giám đốc không nhận thấy một khoản thiệt hại nào đối với kết quả hoạt động của các tổ chức tín dụng này.

**QUẢN LÝ RỦI RO THANH KHOẢN**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Dòng tiền lãi đối với lãi suất thả nổi, số tiền chưa chiết khấu được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tại cuối kỳ kế toán. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

Công nợ tài chính	Dưới 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
	VND	VND	VND
<b>31/12/2014</b>			
Các khoản vay	729.823.120	-	729.823.120
Phải trả người bán và phải trả khác	23.148.792.525	-	23.148.792.525
Chi phí phải trả	519.231.630	-	519.231.630
Công nợ tài chính khác	980.730.000	-	980.730.000
	<b>25.378.577.275</b>	<b>-</b>	<b>25.378.577.275</b>
<b>01/01/2014</b>			
Các khoản vay	5.344.702.303	-	5.344.702.303
Phải trả người bán và phải trả khác	20.396.440.928	-	20.396.440.928
Chi phí phải trả	578.939.565	-	578.939.565
	<b>26.359.862.796</b>	<b>-</b>	<b>26.359.862.796</b>

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

Tài sản tài chính	Dưới 1 năm VND	Trên 1 năm VND	Tổng VND
<b>31/12/2014</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.984.209.347	-	5.984.209.347
Đầu tư ngắn hạn	2.000.000.000	-	2.000.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	18.536.918.924	-	18.536.918.924
	<b>26.521.128.271</b>	<b>-</b>	<b>26.521.128.271</b>
<b>01/01/2014</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	10.885.908.565	-	10.885.908.565
Phải thu khách hàng và phải thu khác	17.784.694.741	-	17.784.694.741
	<b>28.670.603.306</b>	<b>-</b>	<b>28.670.603.306</b>

**32. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 của Công ty đã được kiểm toán.



**Nguyễn Hưng**  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 17 tháng 03 năm 2015

**Ngô Thị Hằng**  
Kế toán trưởng

**Ngô Thị Hằng**  
Người lập biểu